TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST Ngày: 10-7-2020 *V/v Ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Trí.

2. Ông Nguyễn Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Ngọc P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn TL, xã MK, NC, Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1988.

Nơi ĐKHKTT: Thôn TL, xã MK, NC, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 59 LĐC, phường ĐT, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh P, vắng mặt chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 03/02/2020 và bản tự khai ngày 13/02/2020, nguyên đơn anh Lê Ngọc P trình bày:

Về hôn nhân: Anh P và chị Lê Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/01/2018 tại UBND phường ĐT, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Cuộc sống không có hạnh phúc. Chị T tự ý bỏ về nhà ngoại ở. Anh P đã nhiều lần khuyên bảo để chị T quay về nhưng chị T không về. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 4/2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh P và chị T không có con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lê Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Lê Thị T. Về con chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn Lê Thị T:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T. Chị T không có mặt ở nhà, người nhà chị T từ chối nhận văn bản nên Tòa án đã tiến hành niêm yết tại địa phương và tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Ngày 22/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, Thanh Hóa phối hợp cùng với trưởng phố ĐC, Phường ĐT đến tại nhà bà Đoàn Thị O (mẹ đẻ của chị Lê Thị T) ở số nhà 94b LĐC, phường ĐT, thành phố TH nhưng không có ai ở nhà. Tòa án đã gặp ông Hoàng Huy C ở số nhà 94a LĐ C, ông C cho biết chị T đang thuê nhà trọ tại nhà của ông Đỗ Trọng V, số nhà 59 LĐC, phường ĐT. Tại số nhà 59 LĐC Tòa án đã gặp chị T và thông báo cho chị T biết về việc anh Lê Ngọc P khởi kiện ly hôn chị T tại Tòa án nhân dân huyện Nông Cống. Chị T thông báo cho Tòa án biết việc anh P ly hôn là quyền của anh P, chị không liên quan và không đến Tòa án để làm việc. Sau đó chị T đóng cửa bỏ đi khỏi phòng trọ nên không làm việc được với chị T, vì vậy không có lời khai của chị T.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

**** Về tố tụng:***

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với

chị T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng chị vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Về nội dung:***

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho anh P được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh P và chị T không có con chung.

Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Lê Ngọc P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã MK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên anh Lê Ngọc P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa anh Lê Ngọc P và chị Lê Thị T thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 17/6/2020 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt chị Lê Thị T, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị Lê Thị T, tuy nhiên chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Lê Ngọc P và chị Lê Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐT, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/01/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xảy ra cãi nhau. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay anh P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn của anh P và chị T thấy rằng:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Ngọc P và chị Lê Thị T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng mọi mặt trong cuộc sống thường ngày dẫn đến cãi nhau và chị T đã bỏ về mẹ đẻ và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, không quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Thị T. Vì vậy, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh Lê Ngọc P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Lê Ngọc P được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Lê Ngọc P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án

phí số AA/2017/0002156 ngày 06/02/2020 của Chi cục THADS Nông Cống (anh P đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt anh P, vắng mặt chị T. Anh P có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND p. ĐT, TP TH;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Minh Trí **Lê Thị Dệt** **Võ Kỳ Anh**